

LỚP	STT	Mã hồ sơ	HỌ TÊN	MSHS DỰ	GT	TỔNG ĐIỂM	NV1	NV2
C10	01	K23-018	LÊ TRẦN HOÀNG ANH	C10-01	NAM	20.5	3	1
C10	02	K23-049	TRƯƠNG NGUYỆT ANH	C10-02	NỮ	22.5	3	2
C10	03	K23-067	ĐỖ THỊ THANH BÌNH	C10-03	NỮ	19.5	3	2
C10	04	K23-117	NGUYỄN NGỌC THUY DƯƠNG	C10-04	NỮ	25.5	3	2
C10	05	K23-119	NGUYỄN NGỌC THUY DƯƠNG	C10-05	NỮ	23	3	1
C10	06	K23-129	TRẦN HÀ GIANG	C10-06	NỮ	24.5	3	1
C10	07	K23-131	NGUYỄN THÁI THANH HÀ	C10-07	NỮ	20.25	3	2
C10	08	K23-184	PHẠM LAN HƯƠNG	C10-08	NỮ	21.25	3	1
C10	09	K23-221	NGUYỄN ĐỨC BẢO KHANG	C10-09	NAM	23.25	3	1
C10	10	K23-223	PHẠM NGUYỄN DUY KHANG	C10-10	NAM	21.75	3	1
C10	11	K23-247	NGUYỄN ANH KHOA	C10-11	NAM	21.75	3	1
C10	12	K23-259	NGUYỄN NGỌC KHUÊ	C10-12	NỮ	21.5	3	1
C10	13	K23-260	CHÂU KHÁI KIẾN	C10-13	NAM	21	3	1
C10	14	K23-267	NGUYỄN TRẦN THIÊN KIM	C10-14	NỮ	23	3	1
C10	15	K23-281	NGUYỄN KHÁNH LINH	C10-15	NỮ	24	3	1
C10	16	K23-300	LẠI THỊ ANH LY	C10-16	NỮ	19.75	3	1
C10	17	K23-301	LÊ THỊ NGỌC LY	C10-17	NỮ	20	3	2
C10	18	K23-331	TRỊNH QUỐC NAM	C10-18	NAM	23	3	1
C10	19	K23-342	NGUYỄN NGỌC KIM NGÂN	C10-19	NỮ	23.25	3	1
C10	20	K23-346	NGÔ GIA NGHI	C10-20	NỮ	21	3	1
C10	21	K23-347	ĐẶNG NGUYỄN ĐỒNG NGHI	C10-21	NỮ	23.25	3	1
C10	22	K23-390	VĂN THỊ TUYẾT NHI	C10-22	NỮ	20.25	3	1
C10	23	K23-407	LÊ THỊ KIỀU OANH	C10-23	NỮ	22.5	3	1
C10	24	K23-428	NGÔ DƯƠNG PHÚC	C10-24	NAM	24	3	1
C10	25	K23-489	TRẦN LÊ THANH TÂM	C10-25	NỮ	22.75	3	1
C10	26	K23-514	TRƯƠNG HOÀNG ĐÔNG THI	C10-26	NỮ	21	3	1
C10	27	K23-515	NGUYỄN THỊ ANH THI	C10-27	NỮ	19.75	3	1
C10	28	K23-517	LÊ NGUYỄN MAI THI	C10-28	NỮ	20	3	1
C10	29	K23-559	ĐỖ THỊ QUỲNH TIỀN	C10-29	NỮ	21.25	3	1
C10	30	K23-563	ĐỖ TRỌNG TÍN	C10-30	NAM	19.75	3	1
C10	31	K23-583	ĐÀO THỊ YÊN TRANG	C10-31	NỮ	21	5	3
C10	32	K23-565	TRẦN HỒ BÍCH TRÂM	C10-32	NỮ	19.5	3	2
C10	33	K23-568	NGUYỄN NGỌC QUỲNH TRÂM	C10-33	NỮ	22	3	1
C10	34	K23-602	TRẦN NGUYỄN DIỄM TRINH	C10-34	NỮ	19.75	3	1
C10	35	K23-609	NGUYỄN NGỌC THUY TRÚC	C10-35	NỮ	22.25	3	1
C10	36	K23-642	LÊNH BÍCH VÂN	C10-36	NỮ	21.75	3	1
C10	37	K23-654	HỒ TRẦN QUANG VINH	C10-37	NAM	20.25	3	1
C10	38	K23-663	ĐỖ NGỌC KHÁNH VY	C10-38	NỮ	22.5	3	1
C10	39	K23-671	PHẠM THỊ TƯỜNG VY	C10-39	NỮ	19	3	2
C10	40	K23-676	PHẠM THÁI VY	C10-40	NỮ	20.5	3	6
C10	41	K23-679	ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG VY	C10-41	NỮ	22.5	3	1
C10	42	K23-683	TSẦN THANH XUÂN	C10-42	NỮ	23	3	1
C10	43	K23-687	TÔN NỮ NHƯ Ý	C10-43	NỮ	21.25	3	1
C10	44	K23-689	NGUYỄN TRƯƠNG NHƯ Ý	C10-44	NỮ	22	6	3
C10	45	K23-HN7	NGUYỄN QUỲNH ANH	C10-45				
C10	46	K23-HN6	ĐINH LÊ THIÊN AN	C10-46				